

KINH TẾ CHÂU Á VỚI KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU VÀ MỘT SỐ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

Nguyễn Hồng Thu*

Cuối năm 2008, châu Á vẫn được coi là khu vực chịu ít tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu; nhưng qua những dấu hiệu của 6 tháng đầu năm 2009 cho thấy, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã ảnh hưởng đến khu vực châu Á với một tốc độ không thể ngờ. So với đánh giá cuối năm 2008 của IMF, hiện tình hình kinh tế của khu vực châu Á đã xấu đi một cách tồi tệ, không chỉ tỷ lệ tăng trưởng dự báo bị hạ thấp đáng kể mà cả đầu tư và thương mại cũng suy giảm. Điều này cho thấy, không một nền kinh tế nào có thể thoát khỏi tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu và khu vực châu Á không phải là một ngoại lệ.

Bài viết này sẽ tập trung vào đánh giá tác động của cuộc khủng hoảng ở Mỹ đối với châu Á qua 3 kênh: tốc độ tăng trưởng GDP, đầu tư và thương mại, từ đó đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam.

1. Tác động tới tốc độ tăng trưởng GDP

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã đẩy nền kinh tế Mỹ và các nước phương Tây vào tình trạng suy thoái nhanh chóng, và tác

động xấu đến hàng loạt các nước châu Á. khu vực vốn phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Mỹ và phương Tây vì đây là thị trường nhập khẩu và là nhà đầu tư lớn, tạo động lực phát triển cho các nước châu Á trong suốt mấy năm qua.

Với những dấu hiệu phục hồi yếu ớt của khu vực châu Á, theo IMF tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn châu Á có thể sẽ chỉ đạt 1.3% trong năm 2009 so với 5.1% của năm trước, trước khi đạt được 4.3% vào năm 2010. Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ ba thế giới sẽ tăng trưởng nhiều nhất so với các nền kinh tế chính ở châu Á trong hai năm tới, tăng 6.5% trong năm 2009 và 7.5% trong năm 2010. Ấn Độ không quá phụ thuộc vào thị trường Mỹ song sự suy thoái kinh tế của Mỹ cũng làm Ấn Độ chỉ có thể đạt tăng trưởng 4.5% trong năm nay và 5,6% vào năm sau. Đối với Nhật Bản, nền kinh tế lớn nhất khu vực sẽ giảm 6.2% trong năm 2009 và chỉ tăng 0.5% vào năm tới do tình trạng xuất khẩu giảm mạnh làm suy yếu lòng tin của khách hàng. Trong 6 nước ở Đông Nam Á¹, chỉ có Việt Nam và Indonesia được dự báo là sẽ tránh được suy thoái trong năm 2009. Bốn quốc gia còn lại đều "tăng trưởng" theo số âm, trong đó nền kinh tế Singapore

* Thạc sĩ, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

vốn phụ thuộc rất lớn vào thương mại, tài chính và du lịch. Có thể sẽ sụt giảm nhiều nhất khu vực châu Á: giảm 10% trong năm nay và giảm 0,1% vào năm tới. Malaysia, Thái Lan và Philippines - những nền kinh tế phát triển dựa

vào xuất khẩu các mặt hàng công nghệ cao - bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn so với các quốc gia khác trong khu vực bởi đã quá tin vào việc xuất khẩu các mặt hàng cao cấp của họ (xem bảng 1).

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của một số nước châu Á (%)

	Tốc độ tăng trưởng GDP			Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)		
	2008	2009*	2010*	2008	2009*	2010*
Trung Quốc	9,0	6,5	7,5	5,9	0,1	0,7
Ấn Độ	7,3	4,5	5,6	8,3	6,3	4,0
ASEAN-5	4,9	0,0	2,3	9,2	3,6	4,5
Indonesia	6,1	2,5	3,5	9,8	6,1	5,9
Thái Lan	2,6	-3,0	1,0	5,5	0,5	3,4
Philippines	4,6	0,0	1,0	9,3	3,4	4,5
Malaysia	4,6	-3,5	1,3	5,4	0,9	2,5
Việt Nam	6,2	3,3	4,0	23,1	6,0	5,0
Hàn Quốc	2,2	-4,0	1,5	4,7	1,7	3,0
Đài Loan	0,1	-7,5	0,0	3,5	-2,0	1,0
Hồng Kông	2,5	-4,5	0,5	4,3	1,0	1,0
Singapore	1,1	-10,0	-0,1	6,5	0,0	1,1
Nhật Bản	-0,6	-6,2	0,5	1,4	-1,0	-0,6

Chú thích: (*) dự đoán

Nguồn: IMF (2009), *World Economic Outlook: Crisis and Recovery*, April.

Bên cạnh sự suy giảm kinh tế toàn cầu trong những tháng cuối năm 2008 và đầu năm 2009 đã tác động làm giảm tốc độ tăng trưởng của khu vực châu Á, thì tình trạng lạm phát tăng cao cũng đe dọa kinh tế khu vực châu Á. Để giải cứu kinh tế, chính phủ các nước châu Á đã tung ra hàng trăm tỷ USD, Euro, Yên, Nhân dân tệ... để hỗ trợ các ngân hàng và tổ chức tín dụng, đồng thời cắt giảm lãi suất để thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, việc thực thi những giải pháp trên cộng với giá lương thực, thực phẩm, nhiên liệu tăng cao trên thế giới đã đẩy lạm phát gia tăng tại hầu hết các nước trong khu vực.

Với tình hình như hiện nay, IMF khuyến khích các nước trong khu vực tiếp tục đẩy

mạnh các giải pháp kích cầu qua nhằm kích thích kinh tế thông qua việc nới lỏng chính sách tín dụng (tín dụng rẻ, dễ tiếp cận) và chính sách tài khóa (giảm thuế, mở rộng đơn đặt hàng của nhà nước, tăng đầu tư phát triển hạ tầng, hỗ trợ tiêu dùng cho các khu vực dễ tổn thương, tăng cường chi tiêu cho giáo dục, y tế và an sinh xã hội...). Theo đó, để thúc đẩy cầu nội địa, chính phủ các nước châu Á đã cam kết gói kích thích hơn 900 tỷ USD (dẫn đầu là Trung Quốc với 585 tỷ USD) cho các dự án cơ sở hạ tầng, các khoản trợ cấp và cắt giảm thuế. IMF cũng đề nghị các chính phủ và các ngân hàng trung ương giảm tỷ lệ lãi suất, mua trái phiếu công ty và cung cấp bảo đảm đối với các khoản vay của ngân hàng trong nỗ lực thúc đẩy chi tiêu và đầu tư. IMF một lần

nữ nhân mạnh, phần nhiều những nền kinh tế châu Á đạt được mức tăng trưởng ngoạn mục trong những thập kỷ qua là nhờ thương mại. do vậy có thể sẽ không đạt được mức tăng trưởng như trước khủng hoảng nếu họ không chuyển trọng tâm từ xuất khẩu sang phát triển nhu cầu nội địa.

2. Tác động tới đầu tư

Yếu tố “tâm lý” đã tác động mạnh hơn ở thị trường tài chính châu Á. Bất chấp sự lành mạnh và tính thanh khoản cao ở các nước châu Á, mỗi lo ngại về những ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính đến châu Á, khiến nhiều nhà đầu tư hoảng loạn do sợ hiệu ứng domino sẽ dẫn đến phá sản hàng loạt ngân hàng, và gây đổ vỡ ở hàng loạt các thị trường chứng khoán chủ chốt trong khu vực.

Thị trường tài chính ở các nước Đông Nam Á bị ảnh hưởng nặng nề nhất của khủng hoảng toàn cầu ảnh hưởng nặng nề nhất trong các quốc gia đang phát triển trên thế giới. Vì các thị trường tài chính ở đây đã phát triển nhanh hơn các khu vực khác trong thời gian qua. Tỷ lệ giá trị tài sản trên các thị trường tài chính của châu Á đang phát triển (không kể Nhật Bản) so với tổng trị giá GDP đã tăng từ 250% năm 2003 lên tới 370% năm 2007. Trong cùng thời gian đó, tỷ lệ này chỉ tăng 30% ở khu vực châu Mỹ Latinh. Do khủng hoảng tài chính, giá trị tài sản “tài chính” của châu Á đã bị mất đi 9.600 tỷ USD, một khoản tiền lớn hơn một năm GDP của toàn châu Á đang phát triển. Số tài sản bị thất thoát này tương đương với 1/5 tổng số tiền bị tan biến trên các thị trường tài chính toàn thế giới do cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay gây ra².

Hàng loạt các chi nhánh ngân hàng, công ty của Mỹ và châu Âu bên bờ vực phá sản đã phải rút vốn về nước. Tỷ lệ bảo đảm tiền gửi cho khách hàng tăng lên đến 250.000 USD

cũng khiến đồng USD kéo từ khắp nơi về Mỹ vì đây là chỗ trú ẩn an toàn hơn so với những khu vực khác. nhất là châu Á khi khoản bảo đảm tiền gửi không thể cao bằng Mỹ. Ngoài ra, các trái phiếu Chính phủ Mỹ cũng là lựa chọn an toàn cho dù với lãi suất thấp. Vì vậy, bất chấp lãi suất thấp và khả năng FED sẽ tiếp tục giảm lãi suất (sẽ thấp nhất trong G7 sau Nhật), thì đồng USD vẫn tiếp tục bị hút về Mỹ. Trong cơn địa chấn này, những hành động quá mạnh của Mỹ đã tạo ra một cơn lốc cuốn đồng USD ào ào đổ về nước này, khiến các đồng nội tệ khác sụt giá thảm hại. Đây là nét đặc thù của cuộc khủng hoảng lần này.

Việc rút vốn này sẽ làm cho nguồn vốn đầu tư từ các nước châu Âu và Mỹ tới khu vực châu Á giảm và các nước trong khu vực châu Á sẽ phải cạnh tranh lẫn nhau để thu hút các nguồn vốn này. Nhìn từ góc độ các nước, đây sẽ là một sức ép lớn đối với việc tự do hoá và nới lỏng việc điều chỉnh các chính sách đã được thiết lập, nhằm kiểm soát các hoạt động của tư bản quốc tế trước đây.

Cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay cho chúng ta thấy rằng toàn cầu hoá, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối dễ dàng các thị trường, giúp việc luân chuyển vốn được thực hiện nhanh chóng, và hiệu quả nhất; nhưng mặt khác nó cũng tạo điều kiện để các tác động tiêu cực lan toả nhanh hơn với mức độ trầm trọng hơn. Vì vậy, bên cạnh cơ hội trên thì châu Á cũng phải đối mặt với nguy cơ dễ đổ vỡ hơn, bởi chỉ cần một sự thay đổi nhỏ hay có một dấu hiệu đầu cơ là sẽ có thể xảy ra việc rút vốn hàng loạt khỏi những nơi mà trước đây đầu tư có lợi nhất.

3. Tác động tới thương mại

Gần 35% trao đổi thương mại trong nội bộ châu Á có điểm dừng chân cuối cùng là Mỹ. Hiện Mỹ và châu Âu là những bạn hàng lớn

nhất của hầu như tất cả các nước khu vực châu Á. Nền kinh tế Mỹ suy thoái, dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp tăng lên, thu nhập giảm đi làm cho nhu cầu tiêu thụ hàng hoá tại Mỹ và châu Âu giảm sẽ tác động tiêu cực tới khối lượng hàng hoá xuất khẩu của châu Á cho hai thị trường rộng lớn này. Tình trạng này sẽ làm cho thặng dư thương mại của một số nước giảm đi và thâm hụt của một số khác tăng lên. Vì ngay cả đối với các nước xuất khẩu lương thực, nguyên liệu và dầu lửa, việc tăng giá sẽ giúp họ có thu nhập cao hơn từ xuất khẩu; nhưng đồng thời giá sản phẩm nhập khẩu của các nước này cũng tăng lên.

Mức độ tác động này tới các nước rất khác nhau, nó còn tuỳ thuộc vào khả năng đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu cũng như bản hàng. Ví dụ, các nước như Campuchia và Bangladesh tăng trưởng dựa vào xuất khẩu sang Mỹ, nhưng lại chưa chủ động linh hoạt đa phương hoá và đa dạng hoá các mặt hàng xuất khẩu, nên sẽ chịu tác động lớn; trong khi Malaysia là nước ít phụ thuộc hơn vào kinh tế Mỹ nhưng lại rất năng động, do vậy sẽ ít bị tác động của suy giảm kinh tế Mỹ.

Trong số các nước ở châu Á, Trung Quốc có tỷ lệ xuất khẩu sang Mỹ khá lớn, chiếm tới 21% tổng xuất khẩu, nhưng Trung Quốc vẫn có thể tránh tác động của khủng hoảng ở Mỹ tương đối tốt, nhờ thị trường trong nước rộng lớn và sức cạnh tranh cao của hàng hoá giá rẻ tại một số thị trường các nước trong khu vực, cũng như ở châu Phi. Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc vẫn ở mức cao đạt 9% trong năm 2008, năm 2009 dự báo là có thể tăng tới 8%. Tương tự Trung Quốc, các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh như Ấn Độ, Hồng Kông và Đài Loan sẽ ít bị tác động của khủng hoảng Mỹ nhờ tăng cầu nội địa và xuất khẩu ít dựa vào thị trường Mỹ. Một số nước khác xuất khẩu sang Mỹ với các mặt hàng chủ yếu là

hàng dệt may, cao su, hàng chế tạo và dầu cũng ít bị ảnh hưởng vì đây là những hàng tiêu dùng quan trọng cho công nghiệp Mỹ và cho người tiêu dùng nên cầu các loại hàng hoá này sẽ không giảm nhiều như cầu hàng hoá tiêu dùng hay hàng xa xỉ phẩm.

Với tác động ngày càng trầm trọng của cuộc khủng hoảng tài chính thì cũng như toàn bộ phần còn lại của thế giới, thương mại châu Á không thoát khỏi những tác động tiêu cực, đặc biệt đối với các nước phát triển quá phụ thuộc vào xuất khẩu như 6 nước Đông Nam Á đã dẫn ở trên. Chỉ số sánh riêng xuất khẩu của 6 nước này từ tháng 7 năm 2008 đến cuối năm 2008 đã giảm 35% nếu tính theo trị giá bằng đồng USD. Dự đoán, các mặt hàng chủ lực của khu vực là điện tử và ô tô, cũng như dịch vụ du lịch sẽ giảm ở mức 20 - 30% trong năm 2009, trong khi xuất khẩu nói chung sẽ giảm 10 - 20%.

Với tình hình như hiện nay, khả năng hồi phục sớm trong những tháng cuối năm 2009 của khu vực châu Á khó có thể diễn ra, song nếu khả năng mong manh đó xuất hiện, thì các nước trong khu vực có nguy cơ lao vào một cuộc chạy đua tranh giành thị phần xuất khẩu, với chính sách hạ giá đồng nội tệ để tăng sức cạnh tranh. Nếu tình hình xuất khẩu tiếp tục xấu đi, gây sức ép buộc các nước phải theo đuổi chính sách hạ giá nội tệ để tăng sức cạnh tranh, đặc biệt giữa các nước cùng xuất khẩu một mặt hàng. Điều này, xét về dài hạn sẽ gây tác động ngược, có nguy cơ làm gia tăng lạm phát.

4. Triển vọng của khu vực châu Á

Mặc dù, chịu tác động nặng nề của khủng hoảng tài chính toàn cầu, song khu vực châu Á được dự đoán là khu vực sẽ thoát khỏi khủng hoảng sớm nhất. Các số liệu xuất khẩu gần đây cho thấy dường như châu Á đã qua giai đoạn tối tệ nhất. Ở các nền kinh tế châu Á, tỷ trọng

sản xuất trong GDP lớn hơn so với các khu vực khác. So sánh giữa các nước giàu và các nước đang nổi có thể thấy các nước mà sản xuất chiếm tỷ trọng lớn nhất thì GDP năm 2008 cũng giảm mạnh nhất. Do đó, khi sản xuất phục hồi thì cũng sẽ kéo GDP tăng trở lại. Một lý do nữa mang đến những hy vọng cho sự phục hồi mạnh mẽ đó là các gói kích thích của châu Á lớn hơn các khu vực khác. Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia đều đã công bố các gói tài chính lớn hơn 4% GDP năm 2009, lớn gấp hai lần so với gói kích thích của Mỹ trong năm nay. Các gói kích thích ở châu Á cũng sẽ hoạt động hiệu quả hơn so với ở Mỹ và châu Âu do các khoản nợ của các công ty và các hộ gia đình có mức độ bình thường nên các khoản cắt giảm thuế hoặc tiền tung ra sẽ được tiêu nhiều hơn là tiết kiệm. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng ở châu Á vẫn hoạt động tốt và thoải mái hơn trong việc hỗ trợ tăng chi tiêu trong nước.

Là khu vực nhập khẩu dầu lửa và các mặt hàng tiêu dùng khác lớn nhất thế giới, những con hổ châu Á được hưởng lợi khi giá các mặt hàng này giảm trong năm qua. Đây có thể coi là một khoản cắt giảm thuế, giúp tăng thu nhập và lợi nhuận thực tế. Việc giá dầu cùng với giá lương thực và các nguyên liệu thô rẻ hơn cũng có ý nghĩa như các gói kích thích của các nước trong khu vực. Nhờ các khoản kích thích tài chính lớn và tình trạng tài chính của khu vực tư nhân tốt hơn nên chỉ tiêu nội địa (bao gồm cả tiêu dùng và đầu tư) ở châu Á sẽ tăng trở lại sớm hơn so với các khu vực khác, với mức tăng 4 - 5% trong năm nay và 7% trong năm tới. Trong khi, nhu cầu nội địa của Mỹ giảm mạnh trong năm nay và vẫn yếu trong năm 2010. Trong năm tới, tổng chi tiêu nội địa (tính theo tỷ giá thị trường) của khu vực châu Á và Nhật Bản sẽ vượt qua Mỹ³.

5. Một số hàm ý cho Việt Nam

Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức chưa từng có trước đây suy thoái của nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới. Với hàng loạt vấn đề cùng xảy ra, khi trong nước chưa kịp thoát khỏi tình trạng lạm phát tăng cao, nhập siêu, an ninh lương thực, sự bất ổn của thị trường tài chính - ngân hàng... thì cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ ập đến khiến kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Trước hết là giảm tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu do Mỹ là thị trường xuất khẩu số một của Việt Nam (chiếm tới gần 20% tổng giá trị xuất khẩu). Tiếp đến là sự tụt dốc của thị trường chứng khoán, tốc độ giải ngân vốn đầu tư suy giảm do việc sắp xếp lại vốn của các nhà đầu tư nước ngoài trước sự chao đảo của thị trường tài chính thế giới; thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi, doanh nghiệp sản xuất đối mặt với nguy cơ giảm phát ngày càng tăng, hệ thống ngân hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro bởi thiếu tính minh bạch. Thực trạng này làm cho tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2008 không thể tránh được sự suy giảm và chỉ đạt 6,2%, đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong suốt một thập kỷ qua.

Việt Nam là một nước có mức độ mở cửa cao về thương mại (trong đó xuất khẩu chiếm gần 70% GDP), do vậy có thể dễ dàng nhận thấy tác động chính đối với Việt Nam từ cuộc khủng hoảng tài chính vẫn là xuất khẩu. Hàng xuất khẩu của Việt Nam đa phần vẫn là các loại hàng hóa cơ bản có độ co giãn cầu không lớn như nguyên liệu thô (dầu thô, than đá), nông sản (gạo, cà phê, hạt tiêu), may mặc và giày dép, và thủy sản. Song như đã phân tích ở trên, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính ngày càng trầm trọng, nên Bộ Công Thương Việt Nam đã hạ mục tiêu xuất khẩu cho năm 2009 từ 13% xuống còn 3%⁴. Điều này dẫn đến tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2009 của Việt Nam cũng sẽ giảm đáng kể.

Xu hướng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong năm tới sẽ suy giảm là điều chắc chắn. Trong 5 tháng đầu năm 2009, tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn trì trệ với 256 dự án đăng ký đầu tư mới và xin bổ sung tăng vốn cho 40 dự án với tổng vốn là 6.68 tỷ USD. Con số này so với cùng kỳ 2008, năm đỉnh cao của thu hút FDI, thì vốn FDI đổ vào trong 5 tháng đầu năm 2009 chỉ bằng 23.7%. Trong đó, chủ yếu là vốn đăng ký tăng thêm đạt 3,96 tỷ USD, tăng 27.8% so với cùng kỳ 2008. Vốn cấp mới chỉ đạt 2,7 tỷ USD, chỉ bằng 10,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trước dấu hiệu suy giảm kinh tế trong năm 2008, chính phủ Việt Nam đã phải chuyển đổi mục tiêu ưu tiên, từ ưu tiên kiềm chế lạm phát, với giải pháp hàng đầu là thắt chặt tiền tệ, sang ưu tiên ngăn chặn sự suy giảm kinh tế, với gói 5 giải pháp cấp bách, trong đó kích cầu ngày càng trở thành giải pháp nổi bật nhất. Đến nay gói giải pháp tài chính kích cầu không chỉ giới hạn 1 tỷ USD lên 6 tỷ USD như đã công bố trước đây, nếu tổng hợp từ các nguồn - được gọi là gói kích cầu tài chính tổng thể - có thể lên đến 9 tỷ USD. Về mức tuyệt đối, tuy còn thấp xa so với các nền kinh tế lớn, nhưng lại thuộc loại cao nếu so với nguồn lực của đất nước, khoản này chiếm gần 10% GDP của Việt Nam (Mỹ là 4,8%, Trung Quốc là 4,4% GDP)⁵. Đây là một cố gắng lớn của chính phủ trong điều kiện ngân sách còn bội chi lớn, mức dự trữ ngoại hối của quốc gia còn mỏng. Nó không chỉ là sự nhạy bén trong việc dự đoán tình hình, chuyển hướng mục tiêu ưu tiên với giải pháp và có liều lượng cao chưa từng có, mà nó còn thể hiện quyết tâm cao trong việc ngăn chặn nguy cơ suy giảm kinh tế của Việt Nam.

Các giải pháp trong gói kích cầu đầu tư, tiêu dùng được các bộ, ngành và các địa phương triển khai quyết liệt, bắt đầu đi vào đời sống và có tác động tích cực đến nền kinh tế.

Tuy nhiên, cũng có một vài nghi ngờ xung quanh hiệu quả của chương trình kích thích cũng như hậu quả tiềm tàng của nó đối với ngân sách quốc gia. Trước hết, về hỗ trợ lãi suất 4% trị giá 17.000 tỷ đồng, đến nay có thể thấy chính sách này mang tính bình quân, không tạo cơ hội để tái cấu trúc nền kinh tế. Việc bù lãi suất 4% thực chất là "cứu trợ" hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp đang khó khăn. Không riêng chính sách bù lãi suất mà việc kéo dài chủ trương miễn, giảm thuế cũng tiềm ẩn nguy cơ thất thoát, lãng phí. Ngoài ra, điều này có thể làm ảnh hưởng sức cạnh tranh của nền kinh tế do việc cho vay nặng tính bao cấp, thiên về quy mô, tốc độ mà không phát huy vai trò điều tiết thị trường, làm gia tăng tình trạng cạnh tranh bất bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nguy cơ tái lạm phát ngày càng lộ rõ khi chính phủ tung ra gói tiền lớn mà chính sách tài khoá, tiền tệ đều được nới lỏng. Lãi suất cơ bản giảm từ 14% xuống 7%, giảm lãi suất tái chiết khấu, dự trữ bắt buộc... sẽ tác động mạnh đến mức cung tiền tệ và có thể đưa nền kinh tế rơi vào vòng: lạm phát, suy thoái, kích cầu, lạm phát... Mặc dù việc áp dụng nhanh chóng gói kích thích kinh tế này có tác động kích lệ lớn, tuy nhiên, cách tiếp cận mạnh mẽ của chính phủ đã làm dấy lên những quan ngại về ảnh hưởng của nó lên nền tài chính công. Ngân sách quốc gia đã bị đặt dưới áp lực nặng nề bởi sự sụt giảm nguồn thu từ thuế.

Để giải pháp kích cầu có hiệu quả hơn, theo chúng tôi nên xem xét thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đây là giải pháp ngắn hạn nên yếu tố thời gian hết sức quan trọng. Biện pháp nào không thoả mãn yếu tố thời gian (tức là triển khai kéo quá dài) thì không nên ưu tiên nhiều. Do đó để giải pháp này có hiệu quả chính phủ cần rà soát các chính sách kích cầu

để đảm bảo mục tiêu chi kịp thời và đúng đối tượng. Nếu không được quản lý hiệu quả, chính sách này sẽ làm gia tăng gánh nặng nợ nần và hiện tượng đầu cơ nóng với các dự án vay chất lượng thấp. Ngoài ra, điều này có thể làm ảnh hưởng sức cạnh tranh của nền kinh tế do việc cho vay nặng tính bao cấp, thiên về quy mô, tốc độ mà không phát huy vai trò điều tiết thị trường, làm gia tăng tình trạng cạnh tranh bất bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp. Do đó không nên quá lạm dụng chính sách tài khoá mà cần dùng tốt hơn chính sách tiền tệ, hướng tới giảm bao cấp và thực hiện cơ chế thị trường⁶.

Thứ hai, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện kích cầu vào những mặt hàng xuất khẩu lớn đang có thị trường. Kích cầu vào các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động để giải quyết công ăn việc làm (đặc biệt là khu vực kinh tế nông nghiệp); chuyển mạnh sang kích cầu tiêu dùng của hơn 80 triệu dân trong nước nhằm giảm sự phụ thuộc vào các thị trường bên ngoài.

Thứ ba, mặc dù kích cầu mang tính ngắn hạn song phải thực hiện theo hướng với cái cách dài hạn hoặc không gây cản trở cho các nỗ lực cải cách dài hạn nhằm đưa nền kinh tế vào giai đoạn phát triển mới. Đầu tư công của nhà nước nên hướng tới việc đầu tư hạ tầng cơ sở hạ tầng, nhất là cơ sở hạ tầng ở nông thôn vốn bị bỏ quên lâu nay; và đầu tư vào khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, chất lượng nguồn nhân lực; cùng với việc đầu tư cải cách thủ tục hành chính. Những lĩnh vực đầu tư này không những làm tăng cầu của Chính phủ mà còn là chính sách dài hạn để nâng cao chất lượng tăng trưởng tạo nền tảng phát triển lâu dài của nền kinh tế nên phải cân nhắc rất thận trọng khi lựa chọn trong gói kích thích.

Thứ tư, về triển vọng lâu dài, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn đánh giá lạc quan kinh tế Việt Nam. Theo đánh giá của Tổ chức giám sát

doanh nghiệp quốc tế (BMI), tốc độ tăng trưởng trung bình của Việt Nam trong 10 năm tới sẽ duy trì được ở mức 8%/năm⁷. Ngoài ra Việt Nam vẫn hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhờ lợi thế về chính trị ổn định, vị trí địa chiến lược thuận lợi, môi trường kinh doanh không ngừng được cải thiện, khả năng sinh lợi có thể cao hơn so với ở nước sở tại của họ. Trong trung và dài hạn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam có thể sẽ có đợt tăng mới. Việt Nam phải tận dụng chớp lấy thời cơ thu hút các nhà đầu tư mới, nhất là từ các nhà xuất khẩu dầu mỏ được hưởng lợi do giá dầu thô tăng cao hồi giữa năm 2008. Vấn đề đặt ra là để giải ngân những nguồn vốn đó đòi hỏi Việt Nam phải nỗ lực rất lớn trong việc giải quyết những ách tắc trong cơ sở hạ tầng (như giao thông, điện) và giáo dục (chất lượng nguồn nhân lực)...

Diễn biến của cuộc khủng hoảng toàn cầu hết sức phức tạp, dự báo năm 2009 Việt Nam sẽ còn gặp nhiều thử thách hơn nữa. Việt Nam cần tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo để có thể đưa ra các chính sách, giải pháp kịp thời nhằm ứng phó và ngăn ngừa những tác động tiêu cực cũng như tận dụng cơ hội của khủng hoảng tài chính toàn cầu để tái cấu trúc lại nền kinh tế.

Chú thích:

¹ Gồm các nước: Singapore, Thái Lan, Malaysia, Philippines, Indonesia và Việt Nam.

² TTXVN: Kinh tế quốc tế, ngày 22/3/2009.

³ TTXVN: Tin Kinh tế, ngày 16/5/2009.

⁴ Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 28/5/2009. Kinh tế 5 tháng đầu năm.

⁵ <http://vietnamnet.vn>. Cần thực hiện dứt điểm gói kích cầu.

⁶ <http://vietnamnet.vn>. Cần thực hiện dứt điểm gói kích cầu.

⁷ TTXVN: Tin Kinh tế, ngày 8/11/2008.